

**BÁO CÁO CÔNG KHAI KẾ HOẠCH THU CHI CÁC QUỸ
NĂM HỌC 2024 - 2025**

- Căn cứ công văn số 2566/SGDĐT-KHTC ngày 05/09/2025 của Sở Giáo dục và đào tạo Nghệ An về hướng dẫn công tác quản lý thu chi năm học 2025-2026 tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn Tỉnh Nghệ An

- Căn cứ Nghị định 81/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ về cơ chế thu, quản lý học phí và chính sách miễn giảm học phí, chi phí học tập cho các đối tượng hộ nghèo, cận nghèo.

- Căn cứ Nghị quyết số 31/2020/NQ-HĐND ngày 13 tháng 12 năm 2020 về việc quy định mức thu tối đa các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục của nhà trường đối với cơ sở giáo dục công lập; mức thu dịch vụ tuyển sinh các cấp học trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

- Căn cứ Nghị quyết số 15/2022/NQ-HĐND ngày 14 tháng 07 năm 2022 về việc sửa đổi, bổ sung điều 2 nghị quyết số 31/2020/NQ-HĐND ngày 13 tháng 12 năm 2020 của hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức thu tối đa các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục của nhà trường đối với cơ sở giáo dục công lập; mức thu dịch vụ tuyển sinh các cấp học trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

- Căn cứ Thông tư 16/2018/TT.BGD&ĐT ngày 3/8/2018 quy định về tài trợ các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

- Căn cứ vào tình hình thực tế của địa phương và của trường mầm non

Trường Mầm non Diễn Hùng đề ra kế hoạch thu chi các quỹ năm học 2025 - 2026 như sau:

TT	NỘI DUNG THỰC HIỆN	SỐ TIỀN	GHI CHÚ
A	PHẦN THU	5.805.238.000	
1	Dự kiến ngân sách NN cấp tháng 8/2024 đến tháng 7 năm 2025	5.153.289.000	QĐ số 19/QĐ - TCKH ngày 05/01/2024 của Phòng Tài chính kế hoạch Huyện Diễn Châu về việc giao dự toán chi ngân sách năm 2024
2	Thu kinh phí CSSKBĐ do BHXH cấp	8.640.000	
3	Tổng thu học phí	249.459.000	
3.1	Dự kiến số tiền cấp bù miễn giảm học phí trong năm học: 240 cháu x 100.000 x 9 tháng = 216.000.000 đồng	216.000.000	+ Căn cứ công văn số 2566/SGDĐT - KHTC ngày 05/9/2025 về việc thực hiện học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non và phổ thông công lập năm học 2025 - 2026.
3.2	Số dư quỹ học phí năm học 2024 -2025 chuyển sang	33.459.000	
4	Các khoản thu theo thỏa thuận		
4.1	Tiền ăn	20.000 đồng / học sinh/ ngày	- Văn bản áp dụng: + Căn cứ Nghị quyết 31/2020/NQ-HĐND Tỉnh Nghệ An ngày 13/12/2020 về việc quy định mức thu tối đa các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục của nhà trường đối với các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn Tỉnh Nghệ An. + Căn cứ Nghị quyết số 15/2022/NQ-HĐND ngày 14/7/2022 của Hội đồng nhân dân Tỉnh Nghệ An sửa đổi
4.2	Chi phí phục vụ tổ chức bán trú và nước uống: (130.000đ/học sinh/tháng * 9 tháng * 240 học sinh = 280.800.000 đồng)	280.800.000	

4.3	Chi phí mua sắm vật dụng dùng chung và đồ dùng cá nhân cho học sinh bán trú : (120.000đ/học sinh/năm * 240 học sinh = 28.800.000 đồng)	28.800.000	17/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An sửa đổi, bổ sung điều 2 Nghị quyết số 31/2020/NQ-HĐND ngày 13 tháng 12 năm 2020 về việc quy định mức thu tối đa các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục của nhà trường đối với cơ sở giáo dục công lập; mức thu dịch vụ tuyển sinh các cấp học trên địa bàn tỉnh Nghệ An. + Thông tư 06/2015/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 16/3/2015 của Bộ GD &ĐT, Bộ nội vụ về danh mục khung vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục mầm non công lập + Biên bản thỏa thuận với BDD cha mẹ học sinh ngày /9/2024 - Hình thức thu: Thu theo tháng, từ ngày 01 đến ngày 05 hàng tháng, sau khi đã quyết toán thừa thiếu của tháng trước và dự kiến số ngày ăn cho tháng tiếp theo
5	Các khoản đóng góp tự nguyện		
5.1	Nguồn vận động tài trợ xây dựng CSVC	84.250.000	Căn cứ Thông tư 16/2018/TT.BGD&ĐT ngày 3/8/2018 quy định về tài trợ các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;
5.2	Kinh phí hoạt động của Ban đại diện cha mẹ học sinh	Số tiền theo sự thỏa thuận, thống nhất của phụ huynh từng lớp	Thực hiện theo quy định điều 10 Thông tư số 55/2011/TT-BGDĐT ngày 22/11/2011 của Bộ GD&ĐT ban hành Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh. Thu theo ủng hộ tự nguyện của PHHS. Được sự thống nhất về kế hoạch của Ban đại diện CMHS, phụ huynh toàn trường với nhà trường tại cuộc họp phụ huynh đầu năm học
B	DỰ KIẾN CHI	5.801.368.000	
I	Chi từ nguồn ngân sách cấp	5.153.289.000	
1	Chi lương và các khoản phụ cấp từ nguồn ngân sách	3.805.608.000	
2	Chi các khoản đóng góp (BHXH, BHYT, BHTN, KPCD)	979.050.000	
3	Chi thanh toán các chế độ cho trẻ (tiền ăn trưa, CPHT)	10.470.000	
4	Tiết kiệm nguồn chi để trích lập quỹ phúc lợi năm 2025	70.000.000	
5	Mua 2 bộ bàn hợp văn phòng	25.000.000	
6	Mua bổ sung ghế phòng họp	8.400.000	
7	Chi thanh toán tiền điện thấp sáng 12 tháng	24.000.000	
8	Mua bổ sung máy tính phục vụ chuyên môn cho các phòng ban	20.000.000	
9	Tu sửa hệ thống mạng internet – lắp bổ sung Camera cổng trường điểm 1.	10.000.000	
10	Tu sửa, bảo dưỡng máy in máy tính cho các lớp, các phòng ban,	7.000.000	
11	Tu sửa nâng cấp đồ chơi ngoài trời, tu sửa ổ khóa, bàn lề, nền gạch, bồn hoa cổng trường cho cả 2 điểm trường	10.000.000	
12	Mua bổ sung thiết bị dạy học tại các lớp	45.000.000	
13	Tu sửa hệ thống công trình vệ sinh 11 nhóm lớp	44.000.000	
14	Chi các hoạt động ngày lễ hội, 20/11, tết nguyên đán, sơ kết tổng kết... trong năm	50.000.000	
15	Mua bổ sung ấn phẩm, tài liệu phục vụ chuyên môn, chương trình giáo dục, bộ tranh dạy trẻ, đồ dùng mô hình dạy học	24.761.000	

16	Chi tiếp khách, thanh tra kiểm tra trong năm học	20.000.000	
II	Chi từ nguồn thu học phí	249 459 000	
1	Dự chi 40% học phí chi lương 4 tháng năm 2025 và 8 tháng năm 2026	86.400.000	
2	Chi lương cho NV hợp đồng NĐ111 bảo vệ trường	21.600.000	
3	Chi các hoạt động chuyên môn và tăng cường cơ sở vật chất	141.459.000	
4	Tiết kiệm nguồn chi để trích lập quỹ phúc lợi năm 2025	20.000.000	
-	<i>Thanh toán tiền bổ sung biểu bảng ở văn phòng, các phòng ban và môi trường ngoài 2 khối</i>	<i>30.000.000</i>	
-	Mua sơn, vôi tạo môi trường ngoài 2 khối	20.500.000	
-	<i>Tu sửa lát lại nền gạch các lớp, sửa lại các bồn hoa, cây cảnh, cổng trường, tường bao 2 điểm trường</i>	<i>23.459.000</i>	
-	<i>Chi thanh toán, phí duy trì các loại phần mềm, mạng internet</i>	<i>23.000.000</i>	
-	<i>Tu sửa hệ thống điện nước, bổ sung quạt trần cho các lớp của 2 điểm trường</i>	<i>15.000.000</i>	
-	<i>Chi mua bổ sung đồ dùng văn phòng phẩm</i>	<i>9.500.000</i>	
III	Chi từ nguồn chi phí tổ chức phục vụ bán trú	305 730 000	
1	Chi trả công cho nhân viên nấu ăn 5 cô x 4.700.000 đ/ tháng x 9 tháng	211 500 000	
2	Chi tiền nước ăn cho trẻ bán trú 3.000 đồng/trẻ/tháng * 237 trẻ * 9 tháng	6.399.000	
3	Chi phí vật tư tiêu hao phục vụ hằng ngày cho công tác bán trú	59.391.000	
4	Chi phí mua đồ dùng lâu bền cho nhà bếp và các nhóm lớp bán trú: 120.000 đồng/trẻ/năm	28.440.000	
IV	Chi nguồn vận động tài trợ	84 250 000	
1	Mua đồ chơi ngoài trời	44.000.000	Chờ văn bản chỉ đạo của cấp trên
2	Nâng cấp hệ thống dây điện 3 pha (Cadivi CV 3x4 – 6 chấm lõi đồng)	10.250.000	
3	Mua thiết bị nhà vận động hai điểm trường	30.000.000	
V	Chi từ nguồn chăm sóc sức khỏe ban đầu	8 640 000	
1	Chi mua thuốc bông băng sơ cứu ban đầu, dung dịch sát khuẩn	2 560 000	
2	Chi hợp đồng với bệnh viện Phú Diễn khám chuyên khoa cho học sinh (dự kiến 20.000 đ/trẻ)	4 800 000	
3	Chi mua tài liệu tuyên truyền, hồ sơ quản lý sức khỏe học sinh	1 280 000	

Hải Châu, ngày 26 tháng 9 năm 2025

KẾ TOÁN



Nguyễn Thị Huệ



HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG
MẦM NON
PHÚ DIỄN HÙNG

Vũ Thị Luyên